

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** – Kiểm Sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn S**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp An T, xã Bình A, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang.

(Anh S có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị **Danh Thị Thủy T**, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: ấp An Th, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn S trình bày:

Nguyên vào năm 2014 được sự đồng ý của gia đình hai bên anh và chị Danh Thị Thủy T có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông H, huyện An M, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 01 đứa con chung là Lê Gia B, sinh ngày 11/6/2015 hiện nay cháu đang sống chung với anh. Trong quá trình chung sống với nhau do chị Tiên không làm tròn trách nhiệm làm mẹ làm vợ, thường hay ăn chơi, dù rằng anh đã tha thứ rất nhiều lần nhưng chị T vẫn tánh náo tật đó. Từ đó dẫn đến hai bên không tìm được tiếng nói chung, sống không còn hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì vợ anh bỏ đi và ly thân với anh từ đó đến nay.

Nay xét thấy tình cảm giữa anh và chị Danh Thị Thủy T đã hết không thể hàn gắn lại được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Danh Thị Thủy T.
- Về con chung: Anh S yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Gia Bảo, sinh ngày 11/6/2015 không yêu cầu Danh Thị Thủy T cấp dưỡng, sau khi chị T bỏ đi thì để lại cháu Bảo cho anh và mẹ chị T nuôi dưỡng cháu nên anh yêu cầu được quyền nuôi con.
- Về tài sản chung: Vợ chồng anh cũng có tạo lập được một số tài sản chung nhưng vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Danh Thị Thủy T trình bày: Vào năm 2014 chị và anh Lê Văn S kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông H, huyện An M, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống với nhau chúng tôi có 01 đứa con chung là Lê Gia Bảo, sinh ngày 11/6/2015 hiện đang sống cùng mẹ ruột chị. Về tài sản chung vợ chồng chị cũng có tạo lập được một số tài sản chung nhưng vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị và

anh Sang thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, anh Sang thường xuyên ăn chơi dù tôi đã nhiều lần tha thứ nhưng anh S vẫn không thay đổi. Do không chịu được tính của anh Sang đến tháng 3 năm 2020 thì chị bỏ lên Sài Gòn để tránh mặt anh Sang và ly thân với anh S đến nay. Sau khi chị bỏ đi thì để con chị Lê Gia Bảo ở với mẹ ruột chị nhưng chị vẫn tới lui thăm nom con.

Nay anh Sang làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị tại Tòa án thì chị có ý như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh S.

- Về con chung: Xin được quyền nuôi dưỡng con Lê Gia Bảo, sinh ngày 11/6/2015, không yêu cầu anh Lê Văn S cấp dưỡng. Theo chị T trước khi chị bỏ đi thì con chị ở chung với chị và mẹ ruột chị nhưng sau khi chị bỏ lên Sài Gòn thì con chị ở với mẹ chị, còn anh S thì chỉ tới lui, nuôi dưỡng con chứ con chị không phải do anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Đến ngày ra Tòa thì con chị vẫn ở với mẹ ruột của chị.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh Lê Văn S và chị Danh Thị Thủy T.

Về con chung: Xử giao cháu Lê Gia Bảo, sinh ngày 11/6/2015 cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không yêu cầu cấp dưỡng vì anh có điều kiện.

Về tài sản chung: Anh S và chị T đều xác định là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh S và chị T đều xác định là không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Danh Thị Thủy T và yêu cầu được nuôi con, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, đồng thời bị đơn chị Danh Thị Thủy T có địa chỉ cư trú tại ấp An Thới, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn S yêu cầu ly hôn với chị Danh Thị Thủy T, anh Lê Văn Sa và chị Danh Thị Thủy T xác định anh chị xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đông H, huyện An M, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh S và chị T đều thống nhất thuận tình ly hôn, đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Anh S và chị T đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Lê Gia Bảo, sinh ngày 11/6/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Sang và chị Tiên đều xác định rằng: Sau khi chị T và anh S ly thân thì cháu Gia Bảo do anh S trực tiếp nuôi dưỡng còn chị T thì bỏ nhà lên thành phố Hồ Chí Minh để làm việc

thời gian khoảng hai, ba tháng thì chị T về thăm con một lần và về thăm thì chị T không về nhà của vợ chồng thăm con mà chị T về nhà mẹ ruột chị T để thăm con. Hơn nữa chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nếu chị được quyền nuôi con vì hiện tại chị không có công việc ổn định đều đó chứng tỏ chị T không có khả năng nuôi con. Từ đó HĐXX thống nhất giao cháu Gia Bảo cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của anh Sang, chị T và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh S và chị T đều xác định rằng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh S và chị T đều xác định rằng anh chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh S về việc xin ly hôn, nuôi con chung với chị T.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, nhưng anh được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006842, ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong). Chị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55, 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn S về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với chị Danh Thị Thủy T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn S và chị Danh Thị Thủy T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia Bảo, sinh ngày 11/6/2015 cho Lê Văn S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh S và chị T đều xác định rằng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh S và chị T đều xác định rằng anh chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, nhưng anh được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006842, ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong). Chị T không phải chịu án phí.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình An, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

